

1000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4466 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) tại Tờ trình số 4987/TTr-SNN ngày 19/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định cụ thể và bổ sung một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh (Bộ tiêu chí kèm theo).

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh là căn cứ cho UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi chung là UBND cấp huyện) làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; kiểm tra, đánh giá, công nhận các xã đạt tiêu chí nông thôn mới; phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương trong từng thời điểm.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ngành phụ trách:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 3, tiêu chí 13 (13.2), tiêu chí 17 (17.1, 17.8).

2. Sở Xây dựng: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 1, tiêu chí 9, tiêu chí 17 (17.4).

3. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 2.

4. Sở Công Thương: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 4, tiêu chí 7.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 5, tiêu chí 14.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 6, tiêu chí 16 (16.2).

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 8 (8.1, 8.2, 8.3, 8.4)

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 8 (8.5).

9. Cục Thống kê: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 10 (phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT).

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 11, tiêu chí 12, tiêu chí 18 (18.7 - phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

11. Liên minh Hợp tác xã: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 13 (13.1).

12. Sở Y tế: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 15, tiêu chí 17.6 (phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường).

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 16 (16.1).

14. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 17 (17.2, 17.3, 17.5, 17.7).

15. Sở Nội vụ: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.1, 18.2, 18.3).

16. Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.4).

17. Ban Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.5).

19. Sở Tư pháp: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 18 (18.6).

20. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 19 (19.1).

21. Công an tỉnh: Chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí 19 (19.2).

22. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trong việc cân đối nguồn kinh phí hàng năm để giao cho địa phương và hướng dẫn tổ chức thực hiện nguồn kinh phí được giao, nhằm sớm hoàn thành các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương công bố Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch, tổng hợp, lập kế hoạch hàng năm của tỉnh trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương. Lập báo cáo đánh giá và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới của tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định việc xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh; đồng thời gửi cho các Sở, ngành có liên quan trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

3. UBND cấp xã căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh để đánh giá tỷ lệ kết quả đạt được trong năm và báo cáo gửi về UBND cấp huyện trước ngày 25 tháng 11 hàng năm.

4. Các Sở, ngành của tỉnh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các địa phương theo dõi, đánh giá các tiêu chí của xã trên địa bàn từng huyện. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Chỉ đạo TW CTMTQG XDNTM;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Điều phối TW CTMTQG XDNTM;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CT XDNTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Lưu: VT, CNN, KT, VH, TH.

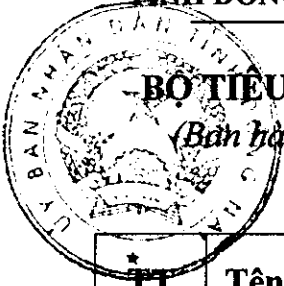
(Khoa.Cnn/QĐ.BTCNTM2016-2020)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
I. QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường huyện quản lý	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.3. Tỷ lệ km đường trục thôn xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.4. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được cứng hóa sạch không lầy lội vào mùa mưa	100%
		2.5. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 99%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
		8.5. Xã có điểm thông tin khoa học và công nghệ đạt chuẩn	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không còn
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 90%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 59 triệu đồng (Năm 2016: 39 triệu; Năm 2017: 44 triệu)
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (theo chuẩn của Trung ương ban hành)	≤ 1%
12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	> 45%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥ 90%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 14,3%
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 70%
		16.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 98%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥ 98% (trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ≥ 65%)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch	≥ 90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 80%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Chính quyền xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Đạt
		18.4. Đảng bộ xã đạt "trong sạch, vững mạnh"	Đạt
		18.5. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%
		18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt
	19 tiêu chí	53 chỉ tiêu	